

## Bài 12 BẢNG TRỪ (qua 10) (2 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

#### Kiến thức, kĩ năng

- Biết cách tìm kết quả phép trừ dựa vào bảng trừ (qua 10) trong phạm vi 20.
- Thực hiện được các phép trừ 11, 12, ..., 18 trừ đi một số.
- Giải được bài toán có lời văn liên quan đến phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

#### Phát triển năng lực

- Qua thực hành, luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận, năng lực giao tiếp toán học.
- Qua giải bài toán thực tiễn sẽ phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

### II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 2.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**Lưu ý chung:** Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

#### Tiết 1. Bảng trừ (qua 10)

**Yêu cầu chủ yếu của tiết học:** Biết bảng trừ (qua 10) trong phạm vi 20; thực hiện được các phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

##### 1. Khám phá

- GV cho HS quan sát hình vẽ trong SGK hoặc tính nhẩm từng phép trừ rồi nêu đầy đủ từng phép trừ đó. Chẳng hạn:  $11 - 4 = 7$ ,  $13 - 5 = 8$ ,  $12 - 3 = 9$ ,  $14 - 8 = 6$ .
- GV cho HS tìm số thích hợp với dấu "?" để hoàn thành bảng trừ. Sau đó GV cho HS đọc bảng trừ theo từng cột.
- Lưu ý: Không yêu cầu HS học thuộc bảng này. Bảng này chỉ để giúp HS hệ thống hoá được các phép tính đã học.

##### 2. Hoạt động

*Bài 1:* Củng cố các phép trừ đã học.

- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
  - + Sau khi HS làm bài, GV có thể cho HS kiểm tra, chữa bài cho nhau.
  - + Khi chữa bài, GV có thể yêu cầu HS nêu cách tính nhẩm cho một số trường hợp.

*Bài 2:* Củng cố các phép trừ đã học và cách tìm số bé nhất trong các số đã cho.

- GV hướng dẫn HS nêu cách làm bài: Tìm kết quả của các phép trừ ghi trên các đèn ông sao, từ đó xác định số bé nhất trong các kết quả tìm được.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Kết quả: Rô-bốt cầm đèn ông sao ghi phép tính có kết quả bé nhất ( $11 - 5$ ).

*Bài 3:* Củng cố các phép trừ đã học.

- GV hướng dẫn HS dựa vào phép trừ đã biết để tìm số thích hợp với dấu “?” hoặc dựa vào bảng trừ. Chẳng hạn với  $12 - \boxed{?} = 7$ , lập luận như sau: Vì  $12 - 5 = 7$  nên số phải tìm là 5.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

*Lưu ý:* Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

## Tiết 2. Luyện tập

*Yêu cầu chủ yếu của tiết học:* Thực hiện được các phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20; giải và trình bày được bài giải của bài toán có lời văn liên quan đến phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20; củng cố so sánh số.

*Bài 1:* Củng cố các phép trừ đã học.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài rồi tự làm bài.
- Sau khi HS làm bài, GV có thể cho HS kiểm tra, chữa bài cho nhau.

*Bài 2:* Ngầm cung cấp cho HS một cách tính nhẩm khác với cách tính nhẩm đã học đối với phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

- GV cho HS làm bài rồi chữa bài theo từng phần.
- Lưu ý: Sau khi chữa bài, GV hướng dẫn để HS nhận ra, chẳng hạn:  $14 - 4 - 3 = 14 - 7$  (cùng bằng 7). Vậy ta có thể tính nhẩm  $14 - 4 - 3$  để tìm kết quả của  $14 - 7$ .

*Bài 3:* Củng cố cách giải và trình bày bài giải của bài toán có lời văn liên quan đến phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài (cho biết gì, hỏi gì?).
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

### Bài giải

Số bạn không lấy được bóng là:

$$12 - 9 = 3 \text{ (bạn)}$$

*Đáp số:* 3 bạn.

- Lưu ý: + Từ đề bài, HS nhận thấy ngay là có 9 bạn lấy được bóng mà không cần giải thích gì thêm khi trình bày bài giải.

- + Tranh minh họa của bài toán mô tả một trò chơi khá phổ biến với HS tiểu học. Nếu có điều kiện không gian và thời gian, GV nên tổ chức cho HS chơi trò chơi này.

*Bài 4:* Củng cố các phép trừ đã học và so sánh các số.

- GV hướng dẫn HS nêu cách làm bài: Tìm kết quả của các phép trừ, so sánh các kết quả đó theo yêu cầu, rồi chọn dấu thích hợp với dấu “?”.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài theo từng phần.

- Kết quả: a)  $14 - 6$   7      b)  $15 - 8$    $11 - 2$   
 $17 - 9$   8       $16 - 7$    $13 - 4$

*Lưu ý:* Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).